

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TP HÀ NỘI**

Số: 58666/CT-HTr
V/v ưu đãi thuế TNDN.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 14 tháng 9 năm 2015

Kính gửi: Công ty TNHH phát triển THT

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Daeha Business Center, Số 360 Kim Mã, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội;
MST: 0101864535

Trả lời công văn số THT-15-238 đề ngày 19/8/2015 của Công ty TNHH phát triển THT (sau đây gọi là Công ty) hỏi về thuế TNDN, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Điều 33, Điều 36 Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế TNDN, quy định:

“Điều 33. Điều kiện ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp

Dự án đầu tư đáp ứng một trong các điều kiện sau đây được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

1. Đầu tư vào ngành nghề, lĩnh vực quy định tại Danh mục A phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Đầu tư vào ngành nghề, lĩnh vực mà pháp luật không cấm và có sử dụng số lao động bình quân trong năm ít nhất là:

a) Ở đô thị loại 1 và loại 2: 100 người;

b) Ở địa bàn khuyến khích đầu tư quy định tại Danh mục B hoặc Danh mục C ban hành kèm theo Nghị định này: 20 người;

c) Ở địa bàn khác: 50 người.

Điều 36. Cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư và cơ sở kinh doanh di chuyển địa điểm được miễn thuế, giảm thuế như sau:

...2. Được miễn thuế 02 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 03 năm tiếp theo đối với cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư thuộc ngành nghề, lĩnh vực quy định tại Danh mục A Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này hoặc đáp ứng điều kiện về sử dụng lao động quy định tại Điều 33 của Nghị định này...”

- Căn cứ khoản 2 Điều 1 Nghị định số 152/2004/NĐ-CP ngày 06/8/2004 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế TNDN, quy định:

2. Điểm a khoản 2 Điều 33 được sửa đổi như sau:

“a) ở đô thị loại đặc biệt và loại 1: 100 người;”

- Căn cứ khoản 3 Điều 23 Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27/7/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 và hướng dẫn thi hành Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008, Nghị định số 122/2011/NĐ-CP ngày 27/12/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế TNDN, quy định hiệu lực thi hành:

“2. Doanh nghiệp đang được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (bao gồm mức thuế suất ưu đãi, thời gian miễn thuế, giảm thuế) theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trước đây về thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc theo Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư đã cấp thì tiếp tục được hưởng các mức ưu đãi này cho thời gian còn lại...”

...3. Doanh nghiệp thuộc diện hưởng thời gian miễn thuế, giảm thuế theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trước đây về thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc theo Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư đã cấp mà đến hết kỳ tính thuế năm 2008 nếu:

a) Chưa có doanh thu thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế; trường hợp không có thu nhập chịu thuế trong 3 năm đầu kể từ năm đầu tiên có doanh thu thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư...”

- Căn cứ Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế TNDN:

+ Tại Điều 18 quy định điều kiện áp dụng ưu đãi thuế TNDN:

“1. Các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp thực hiện chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo kê khai.

2. Trong thời gian đang được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp nếu doanh nghiệp thực hiện nhiều hoạt động sản xuất; kinh doanh thì doanh nghiệp phải tính riêng thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (bao gồm mức thuế suất ưu đãi, mức miễn thuế, giảm thuế) và thu nhập từ hoạt động kinh doanh không được hưởng ưu đãi thuế để kê khai nộp thuế riêng...”

3. Không áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp và áp dụng thuế suất 20% (bao gồm cả doanh nghiệp thuộc diện áp dụng thuế suất 20% theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Thông tư này) đối với các khoản thu nhập sau:

a) Thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng quyền góp vốn; thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản (trừ thu nhập từ đầu tư kinh doanh nhà ở xã hội quy định tại điểm d Khoản 3 Điều 19 Thông tư này); thu nhập từ chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác khoáng sản; thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh ở ngoài Việt Nam.

b) Thu nhập từ hoạt động tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu, khí, tài nguyên quý hiếm khác và thu nhập từ hoạt động khai thác khoáng sản.

c) Thu nhập từ kinh doanh dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt.

4. Doanh nghiệp có dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp do đáp ứng điều kiện về lĩnh vực ưu đãi đầu tư thì các khoản thu nhập từ lĩnh vực ưu đãi đầu tư và các khoản thu nhập như thanh lý phế liệu, phế phẩm của sản phẩm thuộc lĩnh vực được ưu đãi đầu tư, chênh lệch tỷ giá liên quan trực tiếp đến doanh thu, chi phí của lĩnh vực được ưu đãi, lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản thu nhập có liên quan trực tiếp khác cũng được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.”

+ Tại khoản 4 Điều 20 quy định về thời gian miễn thuế, giảm thuế:

“4. Thời gian miễn thuế, giảm thuế quy định tại Điều này được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới được hưởng ưu đãi thuế; Trường hợp doanh nghiệp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư mới thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư dự án đầu tư mới phát sinh doanh thu.”

+ Tại khoản 2 Điều 23 quy định hiệu lực thi hành:

“2. Doanh nghiệp có dự án đầu tư mà tính đến hết kỳ tính thuế năm 2013 còn đang trong thời gian thuộc diện được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (bao gồm cả trường hợp đang được hưởng ưu đãi hoặc chưa được hưởng ưu đãi) theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp thì tiếp tục được hưởng cho thời gian còn lại theo quy định của các văn bản đó”

Căn cứ các quy định trên, trường hợp Công ty là cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư được Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy phép đầu tư lần đầu số 2542/GP ngày 19/01/2006, UBND TP Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần thứ ba ngày 22/01/2015 để thực hiện Dự án khu trung tâm khu đô thị Tây Hồ Tây, nếu thực tế đáp ứng điều kiện quy định tại tiết a khoản 2 Điều 33 Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ (đã được sửa đổi, bổ sung tại tiết a khoản 2 Điều 1 Nghị định số 152/2004/NĐ-CP ngày 06/8/2004 của Chính phủ) thì được miễn thuế TNDN trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong 3 năm tiếp theo. Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư. Trường hợp Công ty không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư dự án đầu tư mới phát sinh doanh thu.

Công ty tự xác định thời gian miễn thuế, giảm thuế, thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh được hưởng ưu đãi thuế TNDN và thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh không được hưởng ưu đãi thuế để kê khai quyết toán thuế với cơ quan thuế theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật về thuế từng thời kỳ.

Cục Thuế TP Hà Nội trả lời để Công ty được biết và thực hiện./.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng KT thuế số 1;
- Phòng Pháp chế;
- Lưu: VT, HTr(2).

Mai Sơn

